

Số: ~~1375~~/STTTT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~24~~ tháng 7 năm 2019

Về hướng dẫn thuê dịch vụ công nghệ
thông tin trong cơ quan nhà nước

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện;
- Hội Tin học TPHCM;
- Hội Công nghệ vi mạch bán dẫn TPHCM;
- Chi hội An toàn thông tin phía Nam.

Thực hiện Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, trong đó mục a, khoản 1 điều 1 có nêu “*Ủy quyền cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin dùng vốn ngân sách nhà nước trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ*”.

Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị nội dung thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin như sau:

I. Về quy trình thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

II. Về một số hướng dẫn các yêu cầu kỹ thuật đối với thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Về mô hình triển khai và tính liên thông, kết nối

- Tuân thủ theo Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố và công văn số 100/STTTT-CNTT ngày 11/01/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin Một cửa điện tử.

- Tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố (HCM LGSP). Các dịch vụ liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu của ứng dụng phải được

công bố, cung cấp thông tin mô tả rõ ràng.

- Đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 3/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia

2. Về cơ sở dữ liệu

- Cơ sở dữ liệu của các ứng dụng phải được thiết kế, khai báo, triển khai, vận hành, khai thác đảm bảo sự thống nhất về cấu trúc dữ liệu, về nội dung dữ liệu và trình diễn dữ liệu với các danh mục dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố

- Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê.

3. Về đảm bảo an toàn thông tin

- Các ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phải được đặt trên hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu thành phố.

- Tổ chức thực hiện xác định cấp độ đối với các hệ thống thông tin thuê dịch vụ thuộc phạm vi đơn vị quản lý theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, hướng dẫn của Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017.

- Tổ chức đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống phần cứng, phần mềm thuê dịch vụ trước khi đưa vào vận hành chính thức.

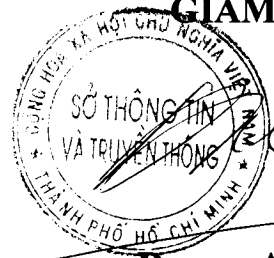
- Tuân thủ các quy định tại Luật An toàn thông tin mạng; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019; Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố và các quy định khác có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, các đơn vị gửi thông tin về Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBNDTP (để báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu VT, PKHTC (VC.15).

GIÁM ĐỐC



Dương Anh Đức

PHỤ LỤC I

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Ban hành kèm theo Công văn số 175/STTTT-KHTC ngày 24/7/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông)



PHẦN I
CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Nghị Quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;
- Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016;
- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và

thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

- Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Quyết định số 376/QĐ-BTTTT ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đính chính Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 8 tháng 9 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án;

- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn Ngân sách Nhà nước;

- Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016;

- Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước;

- Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016;

- Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

- Công văn số 90/BTTTT-CNTT ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tổ chức triển khai Quyết định của Thủ tướng quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

- Công văn số 1047/BTTTT-CNTT ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

- Công văn số 3575/BTTTT-THH ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg;

- Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

PHẦN II

NGUYÊN TẮC THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Nâng cao hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp khả thi, tiếp tục khai thác tối đa hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, phần mềm, phần cứng, thông tin, dữ liệu đã có. Xem xét áp dụng hình thức thuê dịch vụ tập trung trong phạm vi nhiều cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất, tính năng giống nhau mà nhiều cơ quan, đơn vị cùng có nhu cầu sử dụng.

2. Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ và phần mềm được đặt hàng riêng để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ (nếu có) là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê. Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ các thông tin, dữ liệu, mã nguồn của phần mềm đặt hàng riêng nói trên

và các công cụ cần thiết khi kết thúc hợp đồng để bảo đảm cơ quan nhà nước vẫn có thể khai thác sử dụng dịch vụ được liên tục kể cả trong trường hợp thay đổi nhà cung cấp dịch vụ.

3. Bảo đảm các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ về ứng dụng công nghệ thông tin trong mỗi bộ, ngành, tỉnh, thành phố và trên toàn quốc.

4. Bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin, cơ yếu và Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức mà trong đó các pháp nhân và thể nhân Việt Nam nắm quyền kiểm soát chi phối và nắm giữ cổ phần chi phối (đối với công ty cổ phần) hoặc nắm giữ phần vốn góp chi phối (đối với các loại hình doanh nghiệp khác) tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước. Trường hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo quy định của điều ước đó.

PHẦN III

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông (được UBND Thành phố ủy quyền xem xét, quyết định việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin)

1.1. Thực hiện ủy quyền theo Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ nhu cầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trực thuộc (Chủ trì thuê dịch vụ) trên địa bàn thành phố, đề xuất nguồn vốn, tổng kinh phí đầu tư theo nội dung tiến độ xây dựng kế hoạch chung của thành phố và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giao chỉ tiêu kinh phí từ các nguồn vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông.

1.3. Là cơ quan đầu mối hướng dẫn thủ tục quy định và hỗ trợ Chủ trì thuê dịch vụ về thủ tục hành chính trong quản lý các dự án, hoạt động, hạng mục thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước sử dụng nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn vốn nhà nước hợp pháp khác.

1.4. Hướng dẫn, đôn đốc Chủ trì thuê dịch vụ tích cực triển khai thuê dịch vụ trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành, tác nghiệp chuyên môn, cung cấp dịch vụ công trong cơ quan nhà nước. Ưu tiên bố trí kinh phí cho nhiệm vụ chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực thuộc.

1.5. Tổng hợp nhu cầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong dự toán ngân sách chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển trung hạn 5 năm, hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.6. Công khai rộng rãi trên công, trang thông tin điện tử của cơ quan mình các nội dung thông tin về kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

1.7. Phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thí điểm về Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.8. Phê duyệt kế hoạch (bao gồm: thuyết minh kế hoạch và dự toán), dự án (bao gồm: báo cáo dự án; tổng dự toán và báo cáo điều tra, khảo sát, nghiên cứu phân tích (nếu có)) thuê dịch vụ công nghệ thông tin quyết định việc thẩm định nội dung kế hoạch, dự toán, dự án, hoặc lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan chuyên môn đồng cấp làm căn cứ phê duyệt kế hoạch, dự toán, dự án. Xem xét điều chỉnh Quyết định phê duyệt trong trường hợp Chủ trì thuê dịch vụ trình điều chỉnh dự toán vượt so với dự toán đã được phê duyệt.

1.9. Giám sát hoạt động thực hiện kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin của các Chủ trì thuê dịch vụ theo quy định của Pháp luật.

1.10. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; Báo cáo kết quả triển khai cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị (Chủ trì thuê dịch vụ)

Căn cứ kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ trì thuê dịch vụ hoặc các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính, kế hoạch đầu tư để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.1. Nguyên tắc sử dụng kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Trường hợp thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi sự nghiệp, kinh phí cho việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin là kinh phí được giao để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên, không thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan nhà nước, ***Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện việc lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin*** theo hướng dẫn tại Mục 2.2.3 Phần III của hướng dẫn này và Luật Ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn đầu tư công, ***Chủ trì thuê dịch vụ lập dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin*** theo hướng dẫn tại Mục 2.2.4 Phần III của hướng dẫn này và các quy định của pháp luật về đầu tư công.

2.2. Lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ dịch vụ công nghệ thông tin

2.2.1. Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ

công nghệ thông tin và trình lên Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, phê duyệt.

2.2.2. Căn cứ lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước bao gồm:

- a) Căn cứ pháp lý;
- b) Thuyết minh về mục đích, yêu cầu và nhu cầu thuê dịch vụ;
- c) Nguồn vốn (hạn mức ngân sách dự kiến).

2.2.3. Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm: thuyết minh kế hoạch và dự toán.

2.2.3.1. Nội dung chính của kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin:

- a) Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ.
- b) Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.
- c) Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu và giải pháp đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và cơ sở dữ liệu; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác.
- d) Xác định, làm rõ việc sở hữu các thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê.
- đ) Thời gian thuê và tiến độ, thời hạn xây dựng, phát triển, khai thác dịch vụ theo yêu cầu riêng; thời gian thuê phải đủ dài (trên 01 năm nhưng không quá 05 năm) nhằm bảo đảm sự ổn định, liên tục, hiệu quả của việc khai thác, sử dụng dịch vụ; các trường hợp có thời gian thuê ít hơn 01 năm phải được người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê cho phép.

e) Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ.

f) Xác định dự toán toán thuê dịch vụ theo **Mục 2.2.3.2 Phần III** hướng dẫn này.

2.2.3.2. Dự toán kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin:

- a) Cơ cấu dự toán:
 - Chi phí thuê dịch vụ.
 - Chi phí quản lý: Gồm các chi phí cần thiết theo quy định để chủ trì thuê tổ chức quản lý thực hiện.
 - Chi phí tư vấn: Chi phí khảo sát, lập kế hoạch thuê; thẩm tra kế hoạch thuê; tư vấn đấu thầu; giám sát thực hiện; thực hiện các công việc tư vấn khác.
 - Chi phí khác: Chi phí kiểm toán; thẩm định giá; kiểm thử hoặc vận hành

thử; chi phí đặc thù khác.

- Chi phí dự phòng.

b) Phương pháp xác định

- Chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng được xác định bằng một trong các phương pháp: *Phương pháp so sánh; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp lấy báo giá thị trường; Phương pháp tính chi phí; Kết hợp các phương pháp.*

- Chi phí quản lý, chi phí tư vấn, chi phí khác được xác định bằng cách lập dự toán hoặc theo định mức chi phí tỷ lệ.

Chủ trì thuê căn cứ vào tính chất của hoạt động thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng để lựa chọn phương pháp xác định chi phí thuê phù hợp và chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình.

2.2.4. Dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin:

2.2.4.1. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án thuê thực hiện theo các nội dung quy định tại Luật Đầu tư công, trong đó thuyết minh rõ các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thuê dịch vụ.

b) Xác định sơ bộ các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung, quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.

c) Xác định sơ bộ yêu cầu về chất lượng dịch vụ; sơ bộ yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác.

d) Xác định thời gian thuê phải đủ dài nhằm bảo đảm sự ổn định, liên tục, hiệu quả của việc khai thác, sử dụng dịch vụ.

e) Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án thuê thực hiện theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc theo báo giá thị trường hoặc kết hợp các phương pháp hoặc căn cứ theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được duyệt.

2.2.4.2. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ.

b) Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.

c) Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng

của phần mềm nội bộ; phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu và giải pháp đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm và cơ sở dữ liệu; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác.

d) Xác định, làm rõ việc sở hữu các thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê.

e) Thời gian thuê và tiến độ, thời hạn xây dựng, phát triển, khai thác dịch vụ.

f) Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ.

g) Xác định tổng mức đầu tư dự án thuê theo Mục 2.2.4.3 Phần III hướng dẫn này.

2.2.4.3. Tổng mức đầu tư dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Cơ cấu tổng mức đầu tư

- Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Chi phí quản lý dự án: Gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ giai đoạn lập, phê duyệt chủ trương đến khi kết thúc thuê dịch vụ và chi phí giám sát, đánh giá dự án thuê

- Chi phí tư vấn: Chi phí khảo sát; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo đề xuất chủ trương, báo cáo nghiên cứu khả thi; thẩm tra dự án thuê; tư vấn đấu thầu; giám sát thực hiện; tư vấn quản lý dự án; thực hiện các công việc tư vấn khác.

- Chi phí khác: Phí và lệ phí; bảo hiểm; kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; thẩm định giá; kiểm thử hoặc vận hành thử; chi phí đặc thù khác.

- Chi phí dự phòng.

b) Phương pháp xác định

- Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong dự án thuê được xác định bằng một trong các phương pháp: Phương pháp so sánh; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp lấy báo giá thị trường; Phương pháp tính chi phí; Kết hợp các phương pháp.

- Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác được xác định bằng cách lập dự toán hoặc theo định mức chi phí tỷ lệ.

Chủ đầu tư căn cứ vào tính chất của dự án thuê để lựa chọn phương pháp xác định chi phí thuê phù hợp và chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình.

2.3. Đối với Hiệp hội, Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp, hội viên của Hiệp hội để tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố và Bộ Thông tin và Truyền thông.

PHẦN IV

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH, DỰ ÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin

Thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh

2. Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

2.1. Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

2.1.1. Hồ sơ trình thẩm định

- a) Tờ trình thẩm định kế hoạch thuê (theo mẫu Phụ lục II đính kèm);
- b) Kế hoạch thuê;
- c) Các văn bản có liên quan khác.

2.1.2. Thời gian thẩm định

a) Thời gian thẩm định kế hoạch thuê không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian thẩm định kế hoạch thuê bao gồm thời gian cơ quan thẩm định lấy ý kiến theo quy định tại Mục 2.1.4 Phần IV hướng dẫn này.

b) Trường hợp cần yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về nội dung kế hoạch thuê, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định có văn bản yêu cầu chủ trì thuê bổ sung hoặc giải trình.

2.1.3. Nội dung thẩm định

a) Sự phù hợp của các nội dung trong kế hoạch thuê quy định tại Mục 2.2 Phần III hướng dẫn này;

b) Tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế của các khoản mục chi phí trong dự toán thuê dịch vụ.

2.1.4. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng công việc và nội dung chi, cơ quan thẩm định có thể lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức hội nghị tư vấn để lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lấy ý kiến chuyên gia của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn.

2.1.5. Văn bản kết quả thẩm định được dùng làm cơ sở cho bước xem xét, phê duyệt kế hoạch thuê.

2.2. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

- a) Tờ trình phê duyệt kế hoạch thuê.

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê (theo mẫu Phụ lục III đính kèm).

c) Kế hoạch thuê đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định.

d) Văn bản kết quả thẩm định kế hoạch thuê.

đ) Ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có).

e) Các văn bản pháp lý, hồ sơ có liên quan khác.

2.3. Thời gian phê duyệt kế hoạch thuê là không quá 10 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin

3.1. Kế hoạch thuê đã phê duyệt được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp có yêu cầu phát sinh về chất lượng, số lượng dịch vụ cần thuê, thay đổi thời gian thuê làm tăng hoặc giảm chi phí thuê.

b) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho hoạt động thuê.

c) Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng: sự cố thiên tai hoặc các sự kiện bất khả kháng khác có tác động trực tiếp đến hoạt động thuê.

d) Khi chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được cấp thẩm quyền điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi, nội dung, quy mô, mục tiêu của kế hoạch thuê.

đ) Trường hợp cần thiết khác (nếu có).

3.2. Khi điều chỉnh kế hoạch thuê không làm thay đổi mục tiêu, quy mô; không vượt dự toán đã được phê duyệt, chủ trì thuê được phép tự tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh kế hoạch thuê làm thay đổi mục tiêu và quy mô hoặc vượt dự toán đã được phê duyệt, chủ trì thuê phải trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Những nội dung thay đổi phải được thẩm định trước khi quyết định. Hồ sơ, thủ tục, thời gian trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê điều chỉnh được thực hiện như bước thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê.

3.3. Người quyết định điều chỉnh kế hoạch thuê chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

PHẦN V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông, chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thuê dịch vụ CNTT theo thẩm quyền đối với các dự án CNTT sử dụng vốn ngân sách Thành phố (Người có thẩm quyền):

a) Gửi thông báo và tiếp nhận thông tin nhu cầu, đề xuất kế hoạch, dự án

thuê dịch vụ của các Chủ trì thuê dịch vụ. Thời gian cụ thể như sau:

- Thời gian gửi thông báo: ngày 01 tháng 10 hàng năm.
- Thời gian tiếp nhận thông tin đề xuất: từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 10 hàng năm.
- b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất của các Chủ trì thuê dịch vụ.
- c) Giám đốc Sở xem xét, quyết định danh mục kế hoạch, dự án thuê dịch vụ đáp ứng các nhu cầu, mục tiêu chung của Thành phố về: tính cấp thiết, quy mô đầu tư, đặc thù triển khai,...
- d) Gửi Sở Tài chính (nguồn vốn ngân sách sự nghiệp), Sở Kế hoạch và Đầu tư (nguồn vốn đầu tư công) có ý kiến góp ý cho danh mục kế hoạch, dự án thuê dịch vụ CNTT theo ủy quyền của UBND Thành phố.
- e) Sau khi có ý kiến góp ý của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định phê duyệt danh mục kế hoạch, dự án thuê dịch vụ CNTT.
- f) Thông báo đến Chủ trì thuê dịch vụ thực hiện lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ theo hướng dẫn tại **Mục 2.2 Phần III** của hướng dẫn này.
- g) Phê duyệt kế hoạch (bao gồm: thuyết minh kế hoạch và dự toán), dự án (bao gồm: báo cáo dự án; tổng dự toán và báo cáo điều tra, khảo sát, nghiên cứu phân tích (nếu có)) thuê dịch vụ công nghệ thông tin quyết định việc thẩm định nội dung kế hoạch, dự án, hoặc lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan chuyên môn đồng cấp làm căn cứ phê duyệt kế hoạch, dự án. Xem xét điều chỉnh Quyết định phê duyệt trong trường hợp Chủ trì thuê dịch vụ trình điều chỉnh dự toán vượt so với dự toán đã được phê duyệt.
- h) Giám sát, theo dõi, kiểm tra, đánh giá định kỳ về mặt chuyên môn, xác định mức độ đạt được so với yêu cầu nhằm đảm bảo việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin đạt hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, chương trình và kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

i) Công khai rộng rãi trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình các nội dung thông tin về kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị nhà nước (Chủ trì thuê dịch vụ)

- a) Gửi đề xuất, nhu cầu kế hoạch, dự án thuê dịch vụ hàng năm cho Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 10.
- b) Lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính, kế hoạch đầu tư để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
- c) Thực hiện lập kế hoạch, dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trình lên Sở Thông tin và Truyền thông xem xét phê duyệt.
- d) Lựa chọn nhà cung cấp, nhà thầu và triển khai thực hiện cung cấp dịch

vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước theo quy định của Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác liên quan.

e) Thực hiện thanh toán hợp đồng, lập hồ sơ quyết toán và cung cấp chứng từ, hồ sơ nghiệm thu quyết toán cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định

f) Có trách nhiệm hoàn trả, giao nộp toàn bộ kinh phí vào ngân sách Thành phố và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố khi không hoàn thành các công việc, hạng mục được giao và các thủ tục thanh, quyết toán theo quy định của nhà nước.

g) Gửi báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và kết quả sử dụng ngân sách được cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước cho các cơ quan có thẩm quyền về quản lý nguồn vốn như sau:

- Báo cáo 6 tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm kế hoạch;
- Báo cáo năm, chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau;
- Báo cáo kết thúc, chậm nhất 3 tháng sau khi kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ.

**PHỤ LỤC II**

MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN/ KẾ HOẠCH THUÊ
(Ban hành kèm theo Công văn số **171**/STTTT-KHTC ngày **24**/7/2019 của Sở
Thông tin và Truyền thông)

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm.....

TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN/ KẾ HOẠCH THUÊ
(Tên dự án/ kế hoạch của hoạt động thuê,...)Kính gửi: ... (cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án/ kế hoạch
thuê)...

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày .../.../ của Chính phủ Quy định
về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ trì thuê trình thẩm định dự án/kế hoạch của hoạt động thuê ... (Tên
hoạt động thuê) ... với các nội dung chính sau:**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên hoạt động thuê:

2. Chủ trì thuê:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án/ kế hoạch thuê (nếu có):

4. Mục tiêu:

5. Nội dung và quy mô:

6. Địa điểm:

7. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ
theo yêu cầu riêng; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ:

8. Tổng mức đầu tư / Dự toán:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng:

- Chi phí quản lý:

- Chi phí tư vấn:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

9. Nguồn vốn:

10. Thời gian thực hiện (bao gồm thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ CNTT và thời gian thuê dịch vụ CNTT):

11. Các nội dung khác:

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện



PHỤ LỤC III
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN/ KẾ HOẠCH THUÊ
(Ban hành kèm theo Công văn số 1375/STTTT-KHTC ngày 24/7/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

., ngày. . . tháng. . . năm.

QUYẾT ĐỊNH
PHÊ DUYỆT DỰ ÁN/ KẾ HOẠCH THUÊ (Tên hoạt động thuê)...

(TÊN CÁ NHÂN, CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của;
 Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày .../.../ của Chính phủ Quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
 Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;
 Xét đề nghị của tại tờ trình số. ngày. . . / . . . / và báo cáo kết quả thẩm định của. tại văn bản số.....ngày.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án/ kế hoạch thuê. . . (Tên hoạt động thuê). . . với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên hoạt động thuê:
 2. Chủ trì thuê:
 3. Tổ chức tư vấn lập dự án/ kế hoạch thuê:
 4. Mục tiêu:
 5. Nội dung và quy mô:
 6. Địa điểm:
 7. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ theo yêu cầu riêng; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ:
 8. Tổng mức đầu tư/ Dự toán:
- Tổng cộng:
 Trong đó:
 - Chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng:

- Chi phí quản lý:
- Chi phí tư vấn:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

9. Nguồn vốn:

10. Thời gian thực hiện (bao gồm thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ CNTT và thời gian thuê dịch vụ CNTT):

11. Kế hoạch đấu thầu (nếu có):

12. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu VT.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)